

RỐI CUỐI CÙNG FOUCAULT CŨNG ĐẾN!

Phạm Xuân Thạch *

Ngày nhận bài: 15 tháng 9 năm 2025

Ngày nhận bài sửa: 12 tháng 12 năm 2025 ; Ngày duyệt đăng: 19 tháng 12 năm 2025

Cách đây hơn 15 năm, khi lần đầu tiên Nền đạo đức Tin lành và tinh thần chủ nghĩa tư bản của Max Weber được chuyển ngữ sang tiếng Việt, có một bài điểm sách, hiếm hoi, nhưng cũng rất may mắn khi bây giờ vẫn có thể tìm thấy trên internet mang tiêu đề: Cuối cùng thì Weber đã đến! Đó là một sự xuất hiện quá muộn, nhưng vẫn là một sự xuất hiện cần thiết khi mà một mặt, ảnh hưởng của Weber đã hiện diện trong công trình của rất nhiều nhà nghiên cứu quan trọng ở Việt Nam từ những năm 80 của thế kỷ trước nhưng với đa số người nghiên cứu thì ông vẫn cứ là một “kẻ xa lạ” mà người ta chỉ có thể đọc qua một cuốn lược thuật của Trung Quốc.

Và hôm nay, cũng có thể nói chính điều này với cuốn sách của Trần Văn Toàn: *Văn học như một diễn ngôn – Lí thuyết diễn ngôn của Michel Foucault và văn học sử Việt Nam*. Vẫn phải dành tiêu đề đó cho một sự xuất hiện rất bất thường, ít nhất, bởi khá muộn. Quan sát những chủ đề của lí luận văn học nghệ thuật (xin tạm chỉ giới hạn sự quan sát ở đây) thì có thể thấy, ở Việt Nam, người ta đã nói đến hậu hiện đại, đến giải cấu trúc, và sau đó, đến diễn ngôn từ đầu thế kỉ 21. Cả chục đầu sách mang tính dẫn nhập về giải cấu trúc và Foucault đã được dịch và xuất bản. Thậm chí, có thể nói, “con số” phân tích diễn ngôn đã qua đi. Nhưng phải đến tận bây giờ, việc tiếp nhận Foucault

mới bước vào một “phase” mới, có chiều sâu và thực chất hơn. Trước hết, phải nói đến cuốn *Michel Foucault* của Sara Mills do Nguyễn Bảo Trung dịch (2021). Đó là một dẫn nhập rất thực chất về hệ thống lý thuyết của Michel Foucault. Và đặc biệt quan trọng là những công trình của ông cũng đã được dịch và xuất bản: *Lịch sử tính dục* và *Giám sát và trừng phạt – nguồn gốc nhà tù*. Chỉ cần *Từ và vật, khảo cổ học về các khoa học nhân văn* được dịch nữa thì có thể nói, chúng ta có một tiếp xúc đầy đủ và hệ thống về Foucault, tương tự như S. Freud hay P. Bourdieu. Trong một khung cảnh tri thức như thế chuyên luận của Trần Văn Toàn đã góp phần vào việc tạo nên một chiều sâu mới cho tiếp nhận lí thuyết. Cuốn sách của ông Toàn xuất hiện vào thời điểm mà nhiều thứ trào lưu trong nghiên cứu đã lắng xuống và cho thấy người viết nó đứng ngoài đám đông của lý thuyết.

Nhưng tại sao Foucault đáng để chúng ta phải chờ đợi đến vậy? Trong khoảng hai mươi năm vừa qua, sách kinh điển trong lĩnh vực triết học, tư tưởng, lí luận văn học, mỹ học đã được dịch không ít, cả những tác gia cổ điển như Kant, Hegel đến những người rất hiện đại như Gilles Deleuzes. Ngay đến một trường hợp vô cùng độc đáo và bí ẩn là *Xã hội diễn cảnh* của Guy Debord cũng đã được chuyển ngữ với một bản dịch, có thể nói, xuất sắc của Nguyễn Tùng và đã được

* Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: thachpx@gmail.com

tái bản (một điều khó có thể tưởng tượng được ở Việt Nam hiện nay). Vậy thì hãy lấy chính Guy Debord làm điểm tham chiếu. Đó là một công trình vô cùng độc đáo: tác giả bắt chước lối viết *Các luận cương về Feuerbach* của Marx (một kỹ thuật rất hậu hiện đại) để cấu thành nên cuốn sách của mình, một văn bản được chia thành hơn 200 luận cương mà mỗi luận cương là một đoạn viết co giãn ngắn dài, sử dụng lại rất nhiều luận đề của các triết gia từ Marx về trước, chỉ thay đổi một số từ ngữ. Vô cùng khó hiểu và không dễ để lần ra mạch logic tổng thể, cuốn sách của Guy Debord là một sự tiên tri về một xã hội nơi mà truyền thông đại chúng lên ngôi và thống trị, đồng thời, là một phê phán cả những phong trào tả khuynh lẫn hữu khuynh trong xã hội phương Tây lúc bấy giờ. *Xã hội diễn cảnh* là một khối phủ định khổng lồ và tuyệt đối trên lập trường Mác xít những nền tảng của xã hội và tư tưởng phương Tây. Tuy thế, nó vẫn nằm trong hệ hình của chủ nghĩa Mác kinh điển. Đó là một sự phê phán bằng cách đi hết chặng đường của một lối tư duy cũ, dù bản thân sự phê phán đó là một cái gì vô cùng mới mẻ.

Nhưng Foucault thì khác. Dù vẫn có thể nhận thấy không ít ảnh hưởng của Marx đối với Foucault, đặc biệt, trong quan niệm về ý thức hệ. Tuy vậy, Foucault đánh dấu một sự thay đổi về hệ hình của tư tưởng phương Tây trong bước ngoặt những năm 60 của thế kỷ trước, bước ngoặt gắn với Mùa xuân năm 1968. Guy Debord là messiah của một thế giới xưa cũ còn Foucault, Derrida, Lacan hay Bourdieu thuộc về một thế giới mới, một cách tư duy hoàn toàn khác, một biến đổi từ bản chất luận sang kiến tạo luận. Bước chuyển đó cho thấy sự hoài nghi về những thứ được coi như default của tư tưởng con người: chân lý, căn tính, ngôn ngữ, giới...

và nhiều thứ khác. Đối với văn chương hay rộng hơn, nghệ thuật, nó là sự thoát khỏi phản ánh luận bằng một phát hiện về một chiều kích vốn chưa được coi trọng một cách tương xứng trong những mô hình Mác xít truyền thống: chiều kích ngôn ngữ. Lối tư duy đó sẽ buộc chúng ta suy nghĩ lại hay chính xác hơn, định hướng lại cách suy nghĩ về không ít vấn đề quan trọng của lý luận nghệ thuật và tư tưởng, chẳng hạn, bản sắc dân tộc: nó là cái bản chất được tích lũy qua lịch sử, là thứ “bản tính” “tự nhiên” của một cộng đồng, tồn tại khách quan để người nghiên cứu tìm kiếm hay là một sự nối tiếp nhau của những tạo tác văn hoá?

Nhìn vào sự phát triển của lý luận văn học ở Việt Nam mấy chục năm vừa qua, có thể nhận thấy hai giai đoạn phát triển của tư duy lý luận. Chặng thứ nhất diễn ra trong hơn một thập niên cuối của thế kỷ 20 như một sự điều chỉnh tư duy lý luận Mác xít truyền thống. Đây là giai đoạn của sự tiếp nhận thi pháp học và phân tâm học, gắn với hai chiều kích cơ bản từng không được quan tâm đúng mức: hình thức nghệ thuật và tác giả cá nhân. Thế nhưng, những vấn đề lý luận vẫn trong hệ hình đó với những ám ảnh về phản ánh hiện thực, những nhị phân nội dung/ hình thức (trừ những người hiếm hoi, chẳng hạn, Phan Ngọc, khi ông nói về tính nội dung của hình thức). Đến đầu thế kỷ 21, những mối quan tâm về mặt lý luận của Việt Nam đã thay đổi, một sự thay đổi mang tính hệ hình. Thế nhưng, sự thay đổi đó chỉ có thể trở thành trọn vẹn nếu tiếp nhận được những nền tảng của tư duy hậu hiện đại, không phải qua những tóm tắt sơ lược, mà là qua sự tiếp xúc trực tiếp với những đại diện quan trọng như Foucault, Derrida, Lacan hay Bourdieu. Đó chính là lý do khiến cho, dù “con sốt” Foucault hay “giải cấu trúc” hay “diễn ngôn”

đã lắng xuống thì nếu muốn thực sự có một sự thay đổi trong tư duy lí luận, vẫn cần phải đọc Foucault, một cách nghiêm túc và lần đến tận nguồn: trong tính phức tạp tư tưởng của ông.

Và cuốn sách của Trần Văn Toàn đã làm chính công việc đó. Cuốn sách là kết quả lao động của ông trong gần 20 năm vừa qua, là sự tập hợp của rất nhiều nghiên cứu được cấu trúc lại trong một cấu trúc tổng thể chặt chẽ và vì thế nên trình hiện được cả ba “con người” trong lao động nghề nghiệp của ông: một người làm lí luận văn học, một nhà nghiên cứu lịch sử văn học và một nhà phê bình. Và tất nhiên, cũng có thể coi cuốn sách như một hành trình tư tưởng của ông, từ thực tiễn văn chương Việt Nam kiếm tìm những cách tư duy mới trong nghiên cứu và từ đó quay lại, soi chiếu thực tiễn Việt Nam dưới một ánh sáng mới.

Là người gắn bó nghiên cứu với thể văn trần thuật, cuốn sách của Trần Văn Toàn mang dạng thức của chính thể văn mà ông tâm huyết: những câu chuyện lồng trong câu chuyện, một thứ “truyện kể trong tấm gương soi”. *Câu chuyện thứ nhất* là câu chuyện về lí thuyết, về thứ mà ông tìm kiếm trong nhiều năm trời. Đó là câu chuyện về hành trình tư tưởng của M. Foucault và những vấn đề cơ bản trong lí thuyết về diễn ngôn của Foucault. Trong câu chuyện ấy, ông rất sòng phẳng trong sự kế thừa những công trình đã được viết trước đó mà quan trọng nhất là cuốn sách của Sara Mills. Dẫu vậy, nó vẫn là câu chuyện của riêng ông, trong sự lần tìm và đào sâu suy tư trên những văn bản gốc của Foucault, đặc biệt là *Từ và vật*. Trong câu chuyện này, một lần nữa, Trần Văn Toàn cho thấy

ông là một người “lội ngược dòng” trong cách làm lí thuyết. Thay vì cô đọng, giản hoá lí thuyết thành những sơ đồ, công thức, thậm chí, những “mẹo mực” đơn giản của sự phân tích (xin mượn cách nói của A. Compagnon trong *Bản mệnh của lí thuyết*) thì ông lại cố gắng trình hiện lại hệ thống tư tưởng của Foucault, mạng lưới những khái niệm cơ bản với tất cả tính phức tạp, thậm chí, không thống nhất, những lưỡng lự và những khoảng mở trong tư duy của một nhà tư tưởng lớn. Điều này được thể hiện rõ trong cách mà ông tổng thuật lại định nghĩa diễn ngôn của Foucault. Bằng cách làm đó, ông bảo lưu được cái mà Compagnon gọi là “bản mệnh của lí thuyết” nghĩa là khả năng phản biện về tư duy, khả năng phá vỡ những định kiến và mở ra những cách thức suy tư mới.

Câu chuyện thứ hai trong cuốn sách của Trần Văn Toàn là câu chuyện về lịch sử văn học Việt Nam. Chịu ảnh hưởng của tư duy hậu hiện đại, thay vì dựng lại những “đại tự sự” về những tiến trình liên tục thì ông lại đi sâu vào những đứt gãy ở giai đoạn chuyển giao giữa hai hệ hình văn học: 50 năm đầu thế kỉ 20, bản lẻ giữa văn học Trung đại và văn học Hiện đại. Đó là thời điểm diễn ra những thay đổi tư duy quan trọng, những thay đổi mà B. Anderson từng nói là “người ở thời đại sau không còn có thể hiểu được suy nghĩ của con người ở thời đại trước”. Và cũng chỉ ở một số kết nối quan trọng giữa văn chương và tư tưởng xã hội: tưởng tượng dân tộc và hình dung về giới. Sự vận dụng lí thuyết diễn ngôn khiến tập hợp văn bản được đưa ra phân tích dù không mới (*Tân Việt Nam, Quốc văn giáo khoa thư, Những trò lố hay là Varenne và Phan Bội Châu, Người đằm, Tổ Tâm, Đoạn tuyệt*) nhưng ở

bất cứ văn bản nào, ông Toàn cũng có những cách đọc và kiến giải mới. Và tất cả được lí giải trong sự vận động của những thiết chế văn chương, một kiến giải vừa rất hậu hiện đại nhưng cũng rất Mác xít.

Và *câu chuyện cuối cùng* của Trần Văn Toàn là câu chuyện về văn chương Việt Nam đương đại. Cũng vẫn là một câu chuyện rất hậu hiện đại khi tập hợp văn bản được đưa vào quan sát rất rộng và phóng khoáng, từ Nguyễn Minh Châu (cả trước và sau 1986), Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Duy Tồn cho đến Đinh Vũ Hoàng Nguyên, Nguyễn Nhật Ánh và cả tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung. Đây là phần mà con người nhà phê bình nhạy cảm và giàu vẻ đẹp ngôn từ. Dầu vậy, chỉ có điều tiếc nhất trong phần này là dường như, có một sự trì nín của con người nhà giáo và con người nhà nghiên cứu đối với con người nhà phê bình trong ông. Từ những văn bản

dù thuộc văn chương tinh hoa hay đại chúng, ông đều phát hiện ra những vấn đề của đời sống văn chương trong đó nhưng nhiều lúc chính cái “tính vấn đề” ấy lại ràng buộc phần nào cái tự do, phóng túng của sự đọc.

Ba câu chuyện nói trên là ba cách thực hành đọc văn chương của Trần Văn Toàn. Cách này hay cách khác, ông đều giữ được cho mình một thế đứng độc lập và tự do về tư tưởng, đứng ngoài những phong trào ồn ào của lí thuyết, lắng lẽ bao quát cách các văn bản đã được đọc và đưa ra được một cách nhìn riêng của mình. Và chính vì thế nên có thể nói cuốn sách của ông, *Văn học như một diễn ngôn – Lí thuyết diễn ngôn của Michel Foucault và văn học sử Việt Nam*, trở thành một trong những cuốn sách nghiên cứu đặc biệt đáng đọc về lý thuyết văn học nghệ thuật.